

*
Số 1604-QĐ/ĐUK

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 1368-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý;
- Căn cứ Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU, ngày 20/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về xây dựng quy hoạch và rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp khóa VIII;
- Căn cứ Quy định số 5263-QĐ/TU, ngày 28/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;

Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh quy định về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, công chức trong Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên theo phân cấp quản lý; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, tính khả thi, bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở Đảng ủy Khối với chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các chi bộ, đảng bộ, cơ quan, đơn vị với quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả, tính khả thi trong công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu cấp ủy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”, tức là quy hoạch luôn được bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở theo sát sự phát triển của cán bộ; một chức danh cần quy hoạch một số người và một người có thể quy hoạch vào một số chức danh mà người đó có khả năng đảm nhận; không khép kín trong từng cơ quan, đơn vị; không chỉ đưa vào quy hoạch những cán bộ hiện đang công tác tại cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn, đưa vào quy hoạch cả cán bộ công tác tại cơ

quan, đơn vị khác trong Đảng ủy khối cơ bản đủ tiêu chuẩn và điều kiện, có khả năng đảm nhiệm được chức danh quy hoạch. Hàng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác cơ bản đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Chức danh Ban Chấp hành Đảng bộ Khối, các chức danh công tác tại cơ quan Đảng ủy Khối; cấp ủy cơ sở, Ủy viên Thường vụ cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm các chức danh, đối tượng, cụ thể như sau:

2.1. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối; chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối thực hiện theo *Phụ lục 1A, 1B* Quy định số 1368-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.2. Các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối thực hiện theo *Phụ lục 1A* Quy định này.

2.3. Các chức danh Trưởng, Phó các Ban và tương đương, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối thực hiện theo *Phụ lục 1B* Quy định này.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

- Ban Thường vụ Đảng ủy Khối trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý gồm: Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xem xét, phê duyệt quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối, Trưởng, Phó các Ban và tương đương trực thuộc Đảng ủy Khối; cấp ủy cơ sở, Ủy viên Thường vụ cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo

- Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại chi bộ, đảng bộ cơ sở, các Ban và tương đương trực thuộc Đảng ủy Khối trên cơ sở căn cứ vào quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của từng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý, xác định nguồn, xem xét lựa chọn đối tượng cụ thể đối với các chức danh theo quy định.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của chi bộ, đảng bộ cơ sở, các Ban và tương đương trực thuộc Đảng ủy Khối.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Đảng ủy Khối

- Tham mưu cụ thể hóa quy định về công tác quy hoạch cán bộ; tham mưu giúp Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xây dựng quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Khối; Trưởng, Phó các Ban và tương đương, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối.

- Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy Khối quản lý; đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Khối.

- Tham mưu cho Đảng ủy Khối tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng kết, sơ kết công tác quy hoạch cán bộ ở các cấp ủy cơ sở.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy cơ sở, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Khối

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối.

Điều 7. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp.

2. Hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban và tương đương, ủy ban kiểm tra cấp ủy là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp (thực hiện theo mục 7, Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU, ngày 20/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Chi bộ, đảng bộ cơ sở tháng 4/2025; Đảng ủy Khối tháng 6/2025).

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định (Ban Tổ chức Đảng ủy Khối nhận hồ sơ đối với trường hợp các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Khối quản lý).

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu

Phân đấu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng:

- Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với Ban Chấp hành Đảng bộ khối; dưới 35 tuổi đối với cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối) từ 15% trở lên.

- Về tỷ lệ nữ trong quy hoạch: Bảo đảm tỷ lệ nữ từ 25% trở lên trong tổng số quy hoạch cấp ủy; đối với Ban Thường vụ cấp ủy cần có nữ với tỷ lệ hợp lý.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hàng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Khối thực hiện theo Phụ lục 2 của Quy định số 1368-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh: Trưởng, Phó các Ban và tương đương, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối; cấp ủy cơ sở, Ủy viên Thường vụ cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối thực hiện theo Phụ lục 2 của Quy định này.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 3 của Quy định này.

Điều 11. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hàng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở, lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Khối căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đạt yêu cầu.

2. Ban Tổ chức Đảng Khối chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, định kỳ có sơ, tổng kết thực hiện Quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối.

3. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ (kèm theo các Phụ lục) có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở,
- Các cơ quan TMGV Đảng ủy Khối,
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ Khối,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Văn Tám

PHỤ LỤC 1A
**ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ, BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH
CHI BỘ, ĐẢNG BỘ CƠ SỞ**

(kèm theo Quy định số 1604-QĐ/ĐUK, ngày 25/4/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối)

I- Quy hoạch chức danh Bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở

1. Đối tượng 1:

- Phó Trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương (gọi chung là ngành tỉnh) được quy hoạch chức danh Trưởng ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Trưởng ngành tỉnh làm Bí thư).

- Phó Trưởng ngành tỉnh; Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh được quy hoạch chức danh Phó Trưởng ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Phó ngành tỉnh làm Bí thư).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) kể cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2:

- Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh được quy hoạch chức danh Trưởng ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Trưởng ngành tỉnh làm Bí thư).

- Phó Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh được quy hoạch chức danh Phó ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Phó ngành tỉnh làm Bí thư).

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 2 nhiệm kỳ trở lên kể cả nam và nữ.

II- Quy hoạch chức danh Phó Bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở

1. Đối tượng 1:

- Phó ngành tỉnh; Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh được quy hoạch chức danh Phó ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Phó ngành tỉnh làm Phó Bí thư).

- Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh; Phó Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh được quy hoạch chức danh Trưởng cấp phòng (đối với những nơi có cơ cấu Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh làm Phó Bí thư).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) kể cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2:

- Phó Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh được quy hoạch chức danh Phó ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Phó ngành tỉnh làm Phó Bí thư).

- Các đồng chí chuyên viên được quy hoạch chức danh Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh (đối với những nơi có cơ cấu Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh làm Phó Bí thư).

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 2 nhiệm kỳ trở lên kể cả nam và nữ.

Các đồng chí được quy hoạch chức danh Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đương nhiệm hoặc được quy hoạch Ban Thường vụ, Ban Chấp hành các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối.

III- Quy hoạch Ban Chấp hành chi bộ, đảng bộ cơ sở

1. Đối tượng 1:

- Lãnh đạo ngành tỉnh và lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh.

- Bí thư các chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc Đảng ủy cơ sở.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) kể cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2:

- Công chức, viên chức được quy hoạch chức danh Phó Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh.

- Phó Bí thư các chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc Đảng ủy cơ sở.

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 2 nhiệm kỳ trở lên kể cả nam và nữ. Công chức, viên chức được quy hoạch phải là đảng viên.

IV- Quy hoạch Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở

1. Đối tượng 1:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cơ sở.

- Lãnh đạo ngành tỉnh; lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh; Bí thư các chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở được quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ cơ sở.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) kể cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2:

- Công chức, viên chức được quy hoạch chức danh Phó Trưởng cấp phòng, đơn vị trực thuộc ngành tỉnh.

- Phó Bí thư các chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc Đảng ủy cơ sở.

Các đồng chí này phải được quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ cơ sở và còn đủ tuổi công tác ít nhất 2 nhiệm kỳ trở lên kể cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 2

QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY KHỐI QUẢN LÝ (kèm theo Quy định số 1604-QĐ/TU, ngày 25/4/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối)

I- Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy Khối, chi bộ, đảng bộ cơ sở; Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, chi bộ, đảng bộ cơ sở; (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Khối quản lý.

2. Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ; tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của Ban Thường vụ Khối, chi bộ, đảng bộ cơ sở; (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với chi bộ cơ sở có chi ủy là tập thể chi ủy; đối với chi bộ cơ sở không có chi ủy là Bí thư, Phó Bí thư chi bộ hoặc Bí thư chi bộ (nếu chi bộ không có Phó Bí thư).

- Đối với đảng bộ cơ sở là tập thể ban chấp hành đảng bộ cơ sở.

- Đối với các Ban và tương đương của Đảng ủy Khối là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Khối.

3. Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với chi bộ cơ sở là tất cả đảng viên của chi bộ.

- Đối với đảng bộ cơ sở là Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc Đảng ủy cơ sở.

- Đối với các Ban và tương đương của Đảng ủy Khối là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Khối; Trưởng, Phó các Ban và tương đương; Trưởng các đoàn thể trực thuộc Đảng ủy Khối; Bí thư, Phó Bí thư chi bộ cơ quan Đảng ủy Khối; Chủ tịch Công đoàn cơ quan.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với chi bộ cơ sở là tất cả đảng viên của chi bộ.
- Đối với đảng bộ cơ sở là Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư các chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.
- Đối với các Ban và tương đương của Đảng ủy Khối là tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, Trưởng các Ban và tương đương, Trưởng các đoàn thể trực thuộc Đảng ủy Khối.

(3) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của chi bộ, đảng bộ, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

* Đối với Chi bộ chỉ có Bí thư (không có Phó Bí thư): Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của chi bộ, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, Bí thư Chi bộ giới thiệu nhân sự đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của chi bộ, đảng bộ, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) **Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán

bộ, tập thể lãnh đạo cơ quan, thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) **Bước 3:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

* **Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.



PHỤ LỤC 3

DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH

(kèm theo Quy định số 1604-QĐ/ĐUK, ngày 25/4/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối)

Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.

2. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.

3. Nhận xét, đánh giá của cấp ủy chi bộ, đảng bộ cơ sở, tập thể lãnh đạo cơ quan, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

4. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

6. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
